TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 24/2020HNGĐ-ST
Ngày: 14/07/2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN - TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Xa Quý Thạo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu và ông Bùi Văn Ơn

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Minh Giang - Thư ký toà án nhân dân huyện Lạc Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/06/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình *(có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Qua tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện, năm 2005 chị và anh Bùi Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng. Việc chung sống không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do khác biệt nhau về quan điểm sống, lối sống cùng với những tác động từ bên ngoài khiến cho quan hệ vợ chồng luôn căng thẳng đến mức không thể hàn gắn được, hiện chị T và anh Đ đã ly thân từ cuối năm 2019. Nhận thấy tình cảm không còn, nên chị T làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có ba con chung tên là Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005, Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 và Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015. Sau ly hôn chị T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Bùi Mạnh C; anh Đ có trách nhiệm nuôi hai con chung Bùi Thị Quỳnh N và Bùi Trọng . Chị T chưa yêu cầu anh Đ phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của bị đơn Bùi Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thừa nhận việc chung sống như vợ chồng với chị Bùi Thị T từ năm 2005 và không có đăng ký kết hôn. Nay nhận thấy tình cảm với chị T không còn, do đó cũng nhất trí với ly hôn.

Về con chung: Có ba con chung tên là Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005, Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 và Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015. Sau ly hôn anh Đ nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung Bùi Minh C; anh sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung Bùi Thị Quỳnh N và Bùi Trọng S và cũng chưa yêu cầu chị T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/05/2020 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản và công nợ chung. Cụ thể:***

+ Về con chung: Hai bên thỏa thuận, giao con chung Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Bùi Thị T và giao con chung Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005 và Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 07/05/2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn tham gia phiên tòa, kiểm sát viên Nguyễn Thị Phúc phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều diễn ra theo đúng trình tự, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét thấy chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ không có đăng ký kết hôn hợp pháp. Do đó đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị T với anh Bùi Văn Đ.

Về con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không đề cập giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Đương chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh Bùi Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xóm X, xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn chị Bùi Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:***

Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ chung sống như vợ chồng từ năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, mặc dù hai bên gia đình chính quyền địa phương đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh chị không đoàn tụ được. Việc chị T và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Hiện nay mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ là phù hợp.

[3] ***Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung*****:**

Chị Thơ và anh Đông có ba con chung tên là Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005, Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 và Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/05/2020 các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản và công nợ chung cụ thể:

+ Về con chung: Hai bên thỏa thuận, giao con chung Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Bùi Thị T và giao con chung Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005 và Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 07/05/2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các nội dung trên.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên chưa yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Về án phí*: Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 14, 15,16, 53; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể, giao con chung Bùi Mạnh C, sinh ngày 02/11/2015 cho chị Bùi Thị T và giao con chung Bùi Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/09/2005 và Bùi Trọng S, sinh ngày 10/08/2007 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày 07/05/2020 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các bên chưa phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002902 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay không phải nộp thêm nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được niêm yết công khai hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thì hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình**;**
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc Sơn
- UBND xã N;
- Đương sự; ;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Xa Quý Thạo